

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUẦN GIÁO  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 09/11/2018.

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bạc Thị Hồng và bà Dương Thị Hữu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Giàng A Tăng, Thư ký Tòa án ND huyện Tuần Giáo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2018/TLST-HN&GD ngày 21 tháng 8 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Chị Lò Thị D**; Sinh năm: 1991. Nơi ĐKKHKT: Bản C, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở: Bản N, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên (có mặt).

\* Bị đơn: **Anh Lò Văn T**; Sinh năm: 1989.

Trú tại: Bản C, xã M, huyện T, tỉnh Đ. Hiện nay đang tập trung cai nghiện tại Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, tỉnh Đ (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị D trình bày:

Chị Lò Thị D và anh Lò Văn T kết hôn ngày 16/3/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Đ. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị D xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị D và anh T có 01 người con chung là cháu Lò Thị Bích H, sinh ngày 21/9/2012. Cháu hiện nay đang ở cùng chị D. Khi ly hôn chị D có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng vì anh T chưa có điều kiện cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ phải trả: Chị Lò Thị D và anh Lò Văn T không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/9/2018 tại Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Đ, anh Lò Văn T khai: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị D kết hôn ngày 16/3/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống hạnh phúc được 2 năm sau đó phát mâu thuẫn do một phần anh nghiện ma túy. Kể từ đó hai anh chị không tìm được tiếng nói chung. Anh T và chị D sống ly thân đã lâu và không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, chị D xin ly hôn anh nhất trí và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về con chung: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị D có 01 người con chung là cháu Lò Thị Bích H, sinh ngày 21/9/2012. Khi ly hôn, anh nhất trí để chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu H vì anh đang phải tập trung cai nghiện không có điều kiện trực tiếp nuôi cũng như cấp dưỡng nuôi cháu. Anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì anh không thể tham gia tố tụng được. Anh xác nhận đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án.

Về tài sản chung, nợ phải trả: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lò Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và giao nuôi con chung.

Vị đại diện VKS phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký, HĐXX từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án đảm bảo đúng qui định của BLTTDS. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ NĂM 2014 chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị được ly hôn anh T. Giao cháu Lò Thị Bích H cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục vì chị D đảm bảo điều kiện nuôi cháu. Anh T chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng vì chưa có điều kiện. Về án phí, đề nghị miễn án phí cho chị D theo qui định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH và Điều 147 BLTTDS.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thẩm quyền giải quyết:** Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc ly hôn giữa chị Lò Thị D và anh Lò Văn T.

**[2] Về hôn nhân:** Chị D và anh Tt tự nguyện kết hôn ngày 16/3/2012, đăng ký tại UBND xã Mùn Chung. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống do anh Tt nghiện ma túy không cai được. Đến nay, anh đang phải tập trung cai nghiện tại Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục và lao động tỉnh Đ nên cuộc sống chung giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, không có hạnh phúc. Vấn đề này

được thể hiện tại lời khai của chị D, anh T và xác nhận về tình trạng hôn nhân của trưởng bản, chi hội trưởng phụ nữ bản C, xã M chung và bản T, xã N, huyện T.

Xét thấy mâu thuẫn của anh, chị đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D, xử cho chị được ly hôn anh T.

**[3] Về con chung:** Anh chị có 01 người con chung là cháu Lò Thị Bích H, sinh ngày 21/9/2012. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu H cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc. Anh T chưa có điều kiện cấp dưỡng nên chị D chưa yêu cầu.

Xét yêu cầu giao nuôi con chung của anh, chị thấy rằng: Chị D có nghề nghiệp ổn định (là cán bộ UBND xã N), có thu nhập, có nhà ở đảm bảo nuôi con. Anh T đang phải cai nghiện nên chưa có điều kiện nuôi con. Cần áp dụng Điều 81 luật HNGĐ giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

**[4] Về tài sản chung, nợ phải trả:** Hai anh chị không có tài sản chung, nợ phải trả được, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết thể hiện lời khai xác nhận của anh, chị tại bản tự khai và lời khai của chị tại phiên tòa.

**[5] Về án phí:** Chị D sinh sống ở xã M là vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/QH.

Xét đề nghị của VKSND huyện Tuần Giáo về quan điểm giải quyết các vấn đề của vụ án như trên là có căn cứ, phù hợp với qui định của Luật HNGĐ.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014,  
- Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;  
Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

**1. Về hôn nhân:** Chị Lò Thị D được ly hôn anh Lò Văn T.

**2. Về con chung:** Giao cháu Lò Thị Bích H, sinh ngày 21/9/2012 cho chị Lò Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Lò Văn T chưa cấp dưỡng nuôi con. Anh Lò Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Hai anh chị không có tài sản chung, nợ chung.

**4. Về án phí:** Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị D.

**5. Quyền kháng cáo:**

Chị Lò Thị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/11/2018).

Anh Lò Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận***

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- UBND xã Mùn Chung;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Thương**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Hữu**

**Bạc Thị Hồng**

**Nguyễn Thị Thương**